

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-12-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước.

Ông Đào Khel.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền, Kiểm sát viên.

Ngày 03/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Ấp 16/2 xã VL, huyện TT, tỉnh ST

Chỗ ở hiện nay: Số 278/17A đường TCD, khóm N, phường H, thành phố ST, tỉnh ST

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim T1, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 11 đường NKKN, khóm N, phường B, thành phố ST, tỉnh ST.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2021 và chứng cứ có trong hồ sơ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Kim T1 tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành

phố ST, tỉnh ST vào ngày 04/5/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến thời gian sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất hòa về quan điểm sống và từ đó vợ chồng không chung sống với nhau.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Nay ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim T1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu.

- *Tại văn bản ngày 02/11/2021 của bị đơn bà Huỳnh Thị Kim T1 thì:* Bà T1 thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn T về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung. Mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng nay bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn T, về con chung: Không có, Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm, đương sự thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71, 72, 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim T1 và bà T1 cư trú tại địa chỉ số 11 đường NKKN, khóm N, phường B, thành phố ST, tỉnh ST nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Kim T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Kim T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Kim T1 xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2017 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố ST, tỉnh ST theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 nên hợp pháp theo quy định tại Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn Văn T cung cấp, có cơ sở xác định sau thời gian chung sống thì ông T và bà T1 phát sinh mâu thuẫn do có sự khác biệt về quan điểm sống, không thông cảm cho nhau nên dẫn đến cãi vã; ông T không còn tình cảm với bà T1 và mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông được ly hôn với bà T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này.

[2.3] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[2.4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Kim T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Kim T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng theo khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T:

1.1/. Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim T1.

1.2/. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3/. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Kim T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4/. Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Kim T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0000008 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Ông Nguyễn Văn T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lý Bích Khiêm

